

Số: 124 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 6 năm 2024

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 và Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024, UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024, như sau:

#### Phần thứ nhất

### TÌNH HÌNH THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

#### I. Thu ngân sách nhà nước (chi tiết tại Phụ lục số 01)

##### 1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 15.279 tỷ đồng, bằng 59,8% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, bằng 121,1% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó:

- Thu nội địa ước đạt 8.972 tỷ đồng, bằng 50,9% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, bằng 102,8% so với cùng kỳ năm 2023; trong đó:

+ Thu từ hoạt động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất ước đạt 4.795 tỷ đồng, bằng 58,4% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, bằng 105,1% so với cùng kỳ năm 2023;

+ Thu tiền sử dụng đất ước đạt 239 tỷ đồng (trong đó: cấp tỉnh ước thu 24 tỷ đồng, cấp huyện thu 215 tỷ đồng), bằng 9,2% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, bằng 39,5% so với cùng kỳ năm 2023.

+ Các khoản thu còn lại ước đạt 3.938 tỷ đồng, bằng 57,6% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, bằng 110,7% so với cùng kỳ năm 2023.

- Thu hoạt động xuất nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 6.272 tỷ đồng, bằng 80,6% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, bằng 161,6% so với cùng kỳ năm 2023.

- Thu vay vốn để bù đắp bội chi: Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 là 21 tỷ đồng, bằng 16,5% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao.

- Thu huy động, đóng góp: 13 tỷ đồng, phát sinh ngoài dự toán giao.

**2. Thu ngân sách địa phương:** 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 10.638 tỷ đồng, bằng 57,2% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, bằng 96,8% so với cùng kỳ năm 2023; trong đó:

- Thu cân đối phần ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: Ước đạt 8.406 tỷ đồng, bằng 51,8% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, bằng 105,8% so với cùng kỳ năm 2023.

- Thu bổ sung từ ngân sách trung ương: Ước đạt 2.197 tỷ đồng, bằng 98,8% so với dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, bằng 72,5% so với cùng kỳ năm 2023.

- Thu vay vốn để bù đắp bội chi: Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 là 21 tỷ đồng, bằng 16,5% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao.

- Thu huy động, đóng góp: 13 tỷ đồng, phát sinh ngoài dự toán giao.

### **3. Nhận xét, đánh giá**

Trong 6 tháng đầu năm 2024, thu nội địa trên địa bàn tỉnh đảm bảo tiến độ dự toán tỉnh giao. Đa số các khoản thu đều đảm bảo tiến độ dự toán UBND tỉnh giao, nhiều khoản thu vượt khá như: Thu từ Doanh nghiệp nhà nước địa phương quản lý (73,2%), Thu từ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (75,8%), Thuế thu nhập cá nhân (71,7%), Thu cấp quyền khai thác khoáng sản (72,6%). Tuy nhiên, vẫn còn một số khoản chưa đảm bảo tiến độ dự toán tỉnh giao như: Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, đặc biệt là thu tiền sử dụng đất (đạt 9,2% dự toán do thị trường bất động sản tiếp tục trầm lắng, các dự án KDC cấp tỉnh làm chủ đầu tư chủ yếu triển khai từ Quý 3/2024).

## **II. Về chi ngân sách địa phương (chi tiết tại Phụ lục số 02)**

Tổng chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 6.209 tỷ đồng, bằng 33,4% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, bằng 106,2% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương: 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 5.629 tỷ đồng, bằng 34,4% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, bằng 111,7% so với cùng kỳ năm 2023. Cụ thể:

- Chi đầu tư phát triển: Ước đạt 1.270 tỷ đồng, bằng 25,2% dự toán Trung ương giao, bằng 24,9% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 120% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi thường xuyên: Ước đạt 4.354 tỷ đồng, bằng 42,2% dự toán Trung ương giao, bằng 41,8% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 109,6% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi trả nợ lãi: Ước đạt 2 tỷ đồng, bằng 71,2% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao.

- Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính: 3,1 tỷ đồng, đạt 275% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao.

2. Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu từ ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 579 tỷ đồng, bằng 26% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, bằng 71,7% so với cùng kỳ năm 2023.

*\* Nhận xét, đánh giá:*

- Chi đầu tư phát triển đạt thấp so với dự toán giao, chủ yếu do các nguyên nhân sau: Những tháng đầu năm, Chủ đầu tư chỉ tập trung hoàn trả khối lượng tạm ứng của năm 2023, đồng thời tập trung giải ngân nguồn vốn kéo dài năm 2023 chuyển sang; nhiều dự án vướng công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; nguồn thu tiền sử dụng đất đạt thấp làm ảnh hưởng rất lớn đến công tác điều hành, giải ngân của tỉnh; Kế hoạch vốn đến 31/5/2024 chưa phân khai chi tiết là rất lớn 677.879 triệu đồng, cũng làm ảnh hưởng đến kết quả giải ngân chung của tỉnh.

- Đối với chi thường xuyên: Một số lĩnh vực chi đạt thấp nguyên nhân chủ yếu là do: các gói thầu mua sắm, sửa chữa chưa triển khai thực hiện được do các quy định hướng dẫn Luật Đấu thầu được ban hành vào giữa quý I, do đó tập trung thực hiện vào 6 tháng cuối năm; các đề án, dự án đang triển khai thực hiện các thủ tục, hồ sơ thanh toán theo quy định; một số nhiệm vụ đang trong quá trình tổ chức kiểm tra, nghiệm thu khối lượng từng giai đoạn nên tập trung thanh toán vào những tháng cuối năm.

### **III. Tình hình sử dụng dự phòng ngân sách tỉnh (chi tiết tại Phụ lục số 03):**

Tổng kinh phí dự phòng ngân sách cấp tỉnh là 219,8 tỷ đồng. Đến 30/6/2024, dự phòng ngân sách tỉnh đã sử dụng 18,6 tỷ đồng để thực hiện một số nhiệm vụ cần thiết theo quy định. Số còn lại chưa sử dụng là 201,2 tỷ đồng.

### **IV. Tình hình quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ tài chính địa phương**

1. Số dư đến ngày 31/12/2023: 189,53 tỷ đồng.
2. Số phát sinh tăng trong 6 tháng đầu năm 2024 là 3,49 tỷ đồng; gồm: Bổ sung từ dự toán chi ngân sách tỉnh 1,14 tỷ đồng, lãi tiền gửi (0,1%/tháng) 0,35 tỷ đồng, bổ sung từ nguồn tăng thu dự toán so với HĐND tỉnh giao và tiết kiệm chi năm 2023 là 2,0 tỷ đồng.
3. Phát sinh giảm: 0 tỷ đồng.
4. Số dư đến ngày 30/6/2024: 193,02 tỷ đồng.

### **V. Về tình hình vay nợ của ngân sách địa phương**

1. Các khoản vay đầu tư, ngân sách tỉnh phải bố trí trả nợ:
  - Số dư đầu năm 2024 là: 140,91 tỷ đồng;
  - Số phát sinh tăng trong kỳ: 16,3 tỷ đồng.
  - Số phát sinh giảm trong kỳ: 3,99 tỷ đồng
  - Số dư nợ vay đến 30/6/2024: 153,22 tỷ đồng.
2. Dư nợ vay đầu tư dự án Năng lượng nông thôn II đến ngày 30/6/2024 là: 71,74 tỷ đồng.

## **VI. Tình hình tạm ứng, ứng trước (Chi tiết tại Phụ lục số 04)**

Số dư tạm ứng, ứng trước ngân sách đến ngày 30/6/2024 là 70,93 tỷ đồng, giảm so với tại thời điểm ngày 31/12/2023 là 25,515 tỷ đồng. Cụ thể các khoản tạm ứng, ứng trước còn phải thu hồi từ các đơn vị, nguồn khác; trong đó:

- Thu hồi từ BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh: 45,4 tỷ đồng
- Ngân sách huyện Lý Sơn: 24,55 tỷ đồng
- Thu hồi từ Sở Công Thương: 0,98 tỷ đồng.

**Tóm lại**, trong 6 tháng đầu năm 2024, việc tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách trên địa bàn tỉnh đảm bảo thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 85/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, số 83/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024; Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của UBND tỉnh quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2024.

### **Phần thứ hai**

## **GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024**

### **I. Dự kiến thu ngân sách nhà nước trên địa bàn**

Dự báo giá dầu thô thế giới trong 6 tháng cuối năm 2024 giữ ở mức trên 80 USD/thùng, bình quân giá dầu thô thế giới cả năm ở mức 86 USD/thùng cao hơn giá dầu thô giao dự toán là 70 USD/thùng sẽ tác động tăng thu từ hoạt động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Tuy nhiên, trong 6 tháng cuối năm 2024 sẽ có một số tác động giảm thu ngân sách nhà nước như: dự báo lượng nước về hồ các thủy điện trên địa bàn sẽ giảm mạnh so cùng kỳ do ảnh hưởng thời tiết nắng nóng sẽ làm giảm số thu từ các nhà máy thủy điện (sản lượng điện 6 tháng đầu năm 2024 giảm khoảng 19%); thu từ Công ty CP Bia Sài Gòn dự kiến hụt gần 100 tỷ so với dự toán; Chính Phủ triển khai miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất trong đó dự kiến tiếp tục giảm thuế suất thuế GTGT trong 6 tháng cuối năm 2024 nhằm hỗ trợ người dân doanh nghiệp vượt qua khó khăn,... Bên cạnh đó, thị trường bất động sản tiếp tục trầm lắng, các dự án khu dân cư triển khai chậm đặc biệt là các dự án do tỉnh làm chủ đầu tư, sẽ ảnh hưởng lớn đến việc hoàn thành dự toán thu tiền sử dụng đất cả năm 2024, tiền sử dụng đất cả năm ước thu 560 tỷ (đạt 21,5% dự toán).

Từ tình hình nêu trên, dự kiến thu ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

1. Thu ngân sách ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2024: Ước đạt 25.581 tỷ đồng, bằng 100,1% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao (*chi tiết tại Phụ lục số 01*). Trong đó:

a) Thu nội địa ước đạt 17.640 tỷ đồng, bằng 100% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao. Trong đó, thu từ hoạt động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất ước đạt 10.100 tỷ đồng, bằng 123,1% dự toán giao.

b) Thu hoạt động xuất nhập khẩu: Năm 2024 ước đạt 7.780 tỷ đồng, bằng 100% so với dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao.

c) Thu vay vốn để bù đắp bội chi: Năm 2024 ước đạt 130,6 tỷ đồng từ nguồn vay lại của Chính phủ, bằng 100% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao.

d) Thu huy động, đóng góp: 30 tỷ đồng (*phát sinh ngoài dự toán giao*).

2. Thu ngân sách địa phương: Ước đạt 18.937 tỷ đồng, bằng 101,8% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao; trong đó:

- Thu cân đối phần NSDP được hưởng theo phân cấp: Ước đạt 16.528 tỷ đồng, bằng 101,8% so với dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao.

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: Ước đạt 2.248 tỷ đồng, bằng 101,1% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao.

- Thu vay vốn để bù đắp bội chi: Ước đạt 130,6 tỷ đồng từ nguồn vay lại của Chính phủ, bằng 100% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao.

- Thu huy động, đóng góp: 30 tỷ đồng (*phát sinh ngoài dự toán giao*).

## **II. Chi ngân sách địa phương** (*chi tiết tại Phụ lục số 02*)

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2024 ước đạt 16.711 tỷ đồng, bằng 89,9% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao. Trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương ước đạt 14.487 tỷ đồng, bằng 88,5% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao; trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: Ước đạt 4.243 tỷ đồng, bằng 84,1% dự toán Trung ương giao và bằng 83,3% dự toán HĐND tỉnh giao.

- Chi thường xuyên: Ước đạt 10.238 tỷ đồng, bằng 99,2% dự toán Trung ương giao và bằng 98,3% dự toán HĐND tỉnh giao.

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 3,1 tỷ đồng, đạt 275% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao.

- Chi trả nợ lãi vay: 3,1 tỷ đồng, đạt 100% dự toán HĐND tỉnh giao.

2. Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu ước đạt 2.224 tỷ đồng, bằng 100% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao.

### III. Các giải pháp triển khai thực hiện

Để đạt được nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2024, các cơ quan thu, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2024, Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 16/01/2024 về việc tăng cường các biện pháp thu ngân sách nhà nước năm 2024 và chi ngân sách địa phương. Trong đó, cần tập trung triển khai thực hiện những nhiệm vụ sau:

#### 1. Về thu ngân sách

- Sở Tài chính phối hợp cơ quan Thuế, Hải quan tiếp tục thực hiện tốt công tác thu ngân sách nhà nước, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh các giải pháp, biện pháp điều hành, đảm bảo thu đạt dự toán giao năm 2024 theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 16/01/2024 về việc tăng cường các biện pháp thu ngân sách nhà nước năm 2024 và chi ngân sách địa phương.

- Theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, nắm chắc các nguồn thu, phân tích, đánh giá báo cáo kịp thời các yếu tố tác động đến số thu, tham mưu đề xuất xử lý kịp thời các vướng mắc về chế độ, chính sách ảnh hưởng đến quản lý, thu nộp ngân sách nhà nước, từ đó đề ra các giải pháp tăng thu.

- Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp chặt chẽ với Sở Tài chính, cơ quan Thuế và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc công tác đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tiến độ thực hiện theo quy định tại Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh; kịp thời báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

#### 2. Về chi ngân sách

- Các sở, ban, ngành tỉnh thực hiện điều hành, quản lý chi ngân sách nhà nước theo đúng chế độ quy định, trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; rà soát các chế độ, chính sách an sinh xã hội, nhất là các khoản chi cho con người để đảm bảo chi đúng định mức, đối tượng, đúng thời gian theo quy định. Không tham mưu bổ sung kinh phí ngoài dự toán trừ trường hợp cần thiết, cấp bách.

- Các cơ quan, đơn vị khẩn trương hoàn thành các thủ tục, hồ sơ thanh toán, đẩy nhanh tiến độ chi ngân sách, kể cả chi cho các chế độ, chính sách, nhiệm vụ, đề án theo các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

- Đẩy mạnh giải ngân vốn 03 Chương trình mục tiêu quốc gia theo Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 23/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh; tập trung thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2024.

- Đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 03/01/2024 và Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 06/02/2024.

Kính báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thuế tỉnh;
- KBNN Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP; Các phòng N/Cứu;
- Công TT - ĐT tỉnh;
- Lưu: VT, P.KTTH Tien229.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Hoàng Tuấn**





Phụ lục 01

Tình hình thu NSNN trên địa bàn 6 tháng đầu năm  
và nhiệm vụ thu NSNN trên địa bàn 6 tháng cuối năm 2024

(Kèm theo Báo cáo số 124/B-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023			Ước thu 6 tháng đầu năm 2024			So sánh (%) với cùng kỳ 2023			Ước thực hiện năm 2024	So sánh % với DT 2024	
		BTC giao	HDND tỉnh giao	HDND tổng	DT BTC giao	DT tỉnh giao	Cùng kỳ 2023	DT BTC giao	DT tỉnh giao	BTC giao		HDND tỉnh giao	
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4/2)	(6)=(4/3)	(7)=(4/1)	(8)	(9)=(8/2)	(10)=(8/3)		
	<b>Thu nội địa</b>	<b>8.725.125</b>	<b>17.640.000</b>	<b>17.640.000</b>	<b>8.971.966</b>	<b>50,9%</b>	<b>50,9%</b>	<b>102,8%</b>	<b>17.640.005</b>	<b>100,0%</b>	<b>100,0%</b>		
	Thu từ NMLD Dung Quất	4.562.093	8.205.000	8.205.000	4.794.663	58,4%	58,4%	105,1%	10.100.000	123,1%	123,1%		
	Các khoản thu còn lại trừ NMLD Dung Quất	4.163.032	9.435.000	9.435.000	4.177.303	44,3%	44,3%	100,3%	7.540.005	79,9%	79,9%		
	Các khoản còn lại trừ thu lọc dầu và tiền sử dụng đất	3.558.547	6.835.000	6.835.000	3.938.347	57,6%	57,6%	110,7%	6.980.005	102,1%	102,1%		
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>12.614.901</b>	<b>25.550.600</b>	<b>25.550.600</b>	<b>15.278.884</b>	<b>59,8%</b>	<b>59,8%</b>	<b>121,1%</b>	<b>25.580.605</b>	<b>100,1%</b>	<b>100,1%</b>		
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>8.725.125</b>	<b>17.640.000</b>	<b>17.640.000</b>	<b>8.971.966</b>	<b>50,9%</b>	<b>50,9%</b>	<b>102,8%</b>	<b>17.640.005</b>	<b>100,0%</b>	<b>100,0%</b>		
1	Thu từ khu vực DNNN	4.741.607	8.518.000	8.518.000	4.970.104	58,3%	58,3%	104,8%	10.413.000	122,2%	122,2%		
+	Thu từ DNNN do TW quản lý	4.713.053	8.473.000	8.473.000	4.937.174	58,3%	58,3%	104,8%	10.363.000	122,3%	122,3%		
	<i>Trong đó: Thu từ NMLD Dung Quất</i>	<i>4.562.093</i>	<i>8.205.000</i>	<i>8.205.000</i>	<i>4.794.663</i>	<i>58,4%</i>	<i>58,4%</i>	<i>105,1%</i>	<i>10.100.000</i>	<i>123,1%</i>	<i>123,1%</i>		
+	Thu từ DNNN do địa phương quản lý	28.554	45.000	45.000	32.931	73,2%	73,2%	115,3%	50.000	111,1%	111,1%		
2	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	552.096	743.000	743.000	562.992	75,8%	75,8%	102,0%	819.000	110,2%	110,2%		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.676.212	3.814.000	3.814.000	2.039.044	53,5%	53,5%	121,6%	3.814.000	100,0%	100,0%		
4	Thuế thu nhập cá nhân	319.307	535.000	535.000	383.463	71,7%	71,7%	120,1%	570.000	106,5%	106,5%		
5	Thuế bảo vệ môi trường	289.905	450.000	450.000	250.567	55,7%	55,7%	86,4%	458.000	101,8%	101,8%		
6	Các loại phí, lệ phí	185.842	360.000	360.000	199.985	55,6%	55,6%	107,6%	370.000	102,8%	102,8%		
	<i>Trong đó lệ phí trước bạ</i>	<i>99.470</i>	<i>185.000</i>	<i>185.000</i>	<i>97.614</i>	<i>52,8%</i>	<i>52,8%</i>	<i>98,1%</i>	<i>190.000</i>	<i>102,7%</i>	<i>102,7%</i>		
7	Các khoản thu về nhà, đất	659.709	2.696.000	2.696.000	275.457	10,2%	10,2%	41,8%	645.005	23,9%	23,9%		
+	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>	<i>5</i>			<i>5</i>			<i>101,6%</i>	<i>5</i>				
+	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>4.931</i>	<i>12.000</i>	<i>12.000</i>	<i>4.996</i>	<i>41,6%</i>	<i>41,6%</i>	<i>101,3%</i>	<i>15.000</i>	<i>125,0%</i>	<i>125,0%</i>		
+	<i>Thu cho thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển</i>	<i>18.997</i>	<i>54.000</i>	<i>54.000</i>	<i>27.000</i>	<i>50,0%</i>	<i>50,0%</i>	<i>142,1%</i>	<i>40.000</i>	<i>74,1%</i>	<i>74,1%</i>		
+	<i>Thu từ cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu NN</i>	<i>31.291</i>	<i>30.000</i>	<i>30.000</i>	<i>4.500</i>			<i>14,4%</i>	<i>30.000</i>				

TT	NỘI DUNG	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023		Dự toán năm 2024		Ước thu 6 tháng đầu năm 2024	So sánh (%) với			Ước thực hiện năm 2024		So sánh % với DT 2024	
		(1)	(2)	(3)	(4)		DT BTC giao	DT tính giao	Cùng kỳ 2023	(8)	Ước thực hiện năm 2024	BTC giao	HNND tính giao
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4/2)	(6)=(4/3)	(7)=(4/1)	(8)	(9)=(8/2)	(10)=(8/3)		
+	Thu tiền sử dụng đất	604.485	2.600.000	2.600.000	238.955	9,2%	9,2%	39,5%	560.000	21,5%	21,5%		
	trong đó: - Cấp tỉnh	316.272		1.645.000	23.896		1,5%	7,6%	220.000		13,4%		
	- Cấp huyện	288.213		855.000	215.060		25,2%	74,6%	340.000		39,8%		
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	56.745	112.000	112.000	74.127	66,2%	66,2%	130,6%	124.000	110,7%	110,7%		
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	59.298	98.000	98.000	71.179	72,6%	72,6%	120,0%	133.000	135,7%	135,7%		
10	Thu khác ngân sách	174.944	300.000	300.000	133.538	44,5%	44,5%	76,3%	275.000	91,7%	91,7%		
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	9.218	12.000	12.000	7.937	66,1%	66,1%	86,1%	15.000	125,0%	125,0%		
12	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (ĐP hưởng 100%)	242	2.000	2.000	3.572	178,6%	178,6%	1476,2%	4.000	200,0%	200,0%		
II	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	3.880.337	7.780.000	7.780.000	6.272.383	80,6%	80,6%	161,6%	7.780.000	100,0%	100,0%		
III	Thu vay vốn để bù đắp bội chi		130.600	130.600	21.490	16,5%	16,5%		130.600	100,0%	100,0%		
IV	Thu viện trợ, thu huy động đóng góp	9.439		-	13.046			138,2%	30.000				
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.985.032	18.594.982	18.594.982	10.637.627	57,2%	57,2%	96,8%	18.936.951	101,8%	101,8%		
I	Thu cân đối NSĐP được hưởng theo phân cấp	7.944.304	16.240.120	16.240.120	8.406.105	51,8%	51,8%	105,8%	16.528.423	101,8%	101,8%		
1	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	1.108.514	3.527.950	3.528.550	888.242	25,2%	25,2%	80,1%	1.760.255	49,9%	49,9%		
2	Các khoản thu NSĐP hưởng theo tỷ lệ % phân chia	6.835.790	12.712.170	12.711.570	7.517.863	59,1%	59,1%	110,0%	14.768.168	116,2%	116,2%		
II	Thu bổ sung từ ngân sách trung ương	3.031.289	2.224.262	2.224.262	2.196.986	98,8%	98,8%	72,5%	2.247.928	101,1%	101,1%		
III	Thu vay vốn để bù đắp bội chi	-	130.600	130.600	21.490	16,5%	16,5%		130.600	100,0%	100,0%		
IV	Thu viện trợ, thu huy động đóng góp	9.439			13.046			138,2%	30.000				

## Phụ lục 02

## Tình hình chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm

## và nhiệm vụ chi ngân sách địa phương 6 tháng cuối năm 2024

(Kèm theo Báo cáo số 194/BC-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023		Dự toán năm 2024		Ước chi 6 tháng đầu năm 2024	So sánh (%) với			Ước thực hiện năm 2024	So sánh % với DT 2023	
		(1)	(2)	(3)	(4)		(5)=(4/2)	(6)=(4/3)	(7)=(4/1)		(8)	(9)=(8/2)
A	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A+B)</b>	5.846.494	18.594.982	18.594.982	6.208.878	33,4%	33,4%	106,2%	16.711.371	89,9%	89,9%	
A	Chi cân đối ngân sách địa phương	5.038.839	16.370.720	16.370.720	5.629.565	34,4%	34,4%	111,7%	14.487.109	88,5%	88,5%	
I	Chi đầu tư phát triển	1.058.979	5.045.015	5.095.015	1.270.256	25,2%	24,9%	120,0%	4.242.875	84,1%	83,3%	
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.018.979	5.045.015	4.941.015	1.215.256	24,1%	24,6%	119,3%	4.172.875	82,7%	84,5%	
	- Chi đầu tư XDCB vốn trong nước	558.739	2.172.415	2.172.415	749.877	34,5%	34,5%	134,2%	2.172.415	100,0%	100,0%	
	- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất (Không bao gồm kinh phí thực hiện công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai 104 tỷ đồng)	411.025	2.600.000	2.496.000	420.133	16,2%	16,8%	102,2%	1.727.860	66,5%	69,2%	
	- Chi từ nguồn thu XSKT	36.233	112.000	112.000	25.973	23,2%	23,2%	71,7%	112.000	100,0%	100,0%	
	- Chi từ nguồn thu từ sắp xếp lại xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	11.234	30.000	30.000	4.273	14,2%	14,2%	38,0%	30.000	100,0%	100,0%	
	- Chi đầu tư từ nguồn bồi chi	1.748	130.600	130.600	15.000	11,5%	11,5%	858,1%	130.600	100,0%	100,0%	
2	Chi đầu tư phát triển khác (trong đó thực hiện công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai 104 tỷ đồng)	40.000		154.000	55.000		35,7%	137,5%	70.000		45,5%	
II	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>3.972.071</b>	<b>10.318.313</b>	<b>10.414.028</b>	<b>4.353.962</b>	<b>42,2%</b>	<b>41,8%</b>	<b>109,6%</b>	<b>10.237.994</b>	<b>99,2%</b>	<b>98,3%</b>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.489.323	3.723.196	4.049.321	1.688.252	45,3%	41,7%	113,4%	4.001.869	107,5%	98,8%	
2	Chi khoa học và công nghệ	9.272	30.170	30.170	7.100	23,5%	23,5%	76,6%	23.119	76,6%	76,6%	
3	Chi quốc phòng	137.486		208.258	104.007		49,9%	75,6%	208.258		100,0%	

TT	NỘI DUNG	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	Dự toán năm 2024		Ước chi 6 tháng đầu năm 2024	So sánh (%) với			Ước thực hiện năm 2024	So sánh % với DT 2023	
			BTC giao	HĐND tính giao		DT BTC giao	DT tính giao	Cùng kỳ 2023		BTC giao	HĐND tính giao
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4/2)	(6)=(4/3)	(7)=(4/1)	(8)	(9)=(8/2)	(10)=(8/3)
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	57.081		145.624	63.323		43,5%	110,9%	145.624		100,0%
5	Chi y tế, dân số và gia đình	396.323		1.007.129	414.943		41,2%	104,7%	956.777		95,0%
6	Chi văn hóa thông tin	68.640		137.671	67.650		49,1%	98,6%	128.372		93,2%
7	Chi phát thanh, truyền hình	12.737		42.201	13.714		32,5%	107,7%	41.180		97,6%
8	Chi thể dục thể thao	16.093		48.215	20.221		41,9%	125,7%	46.555		96,6%
9	Chi bảo vệ môi trường	75.592		204.935	56.738		27,7%	75,1%	201.605		98,4%
10	Chi các hoạt động kinh tế	448.517		1.896.181	489.314		25,8%	109,1%	1.840.312		97,1%
11	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	838.392		1.798.107	973.784		54,2%	116,1%	1.798.107		100,0%
12	Chi bảo đảm xã hội	389.952		790.750	421.354		53,3%	108,1%	790.750		100,0%
13	Chi thường xuyên khác	32.663		55.466	33.562		60,5%	102,8%	55.466		100,0%
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi</b>	<b>687</b>	<b>3.100</b>	<b>3.100</b>	<b>2.207</b>		<b>71,2%</b>	<b>321,3%</b>	<b>3.100</b>		<b>100,0%</b>
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>7.102</b>	<b>1.140</b>	<b>1.140</b>	<b>3.140</b>		<b>275,4%</b>	<b>44,2%</b>	<b>3.140</b>	<b>275,4%</b>	<b>275,4%</b>
<b>V</b>	<b>Chi dự phòng ngân sách</b>		<b>406.003</b>	<b>406.003</b>							
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn cải cách tiền lương</b>		<b>597.149</b>	<b>451.434</b>							
<b>B</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>	<b>807.655</b>	<b>2.224.262</b>	<b>2.224.262</b>	<b>579.313</b>		<b>26,0%</b>	<b>71,7%</b>	<b>2.224.262</b>	<b>100,0%</b>	<b>100,0%</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	277.606	1.129.903	1.129.903	295.722		26,2%	106,5%	1.129.903	100,0%	100,0%
2	Chi các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	522.472	723.570	723.570	163.591		22,6%	31,3%	723.570	100,0%	100,0%
3	Chi các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	7.577	370.789	370.789	120.000		32,4%	1584%	370.789	100,0%	100,0%

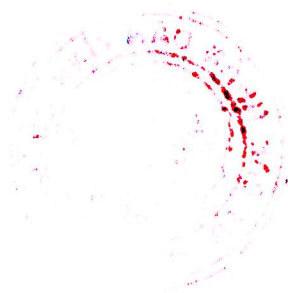
Phụ lục 03

**TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TỈNH  
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo số 124/BC-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung chi	Số tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>A</b>	<b>Tổng nguồn</b>	<b>219.847</b>	
<b>B</b>	<b>Kinh phí đã sử dụng</b>	<b>18.645</b>	
1	Về việc thực hiện hỗ trợ quà Tết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo nhân dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn - năm 2024	8.722	
2	Về việc bố trí kinh phí thực hiện Dự án thành phần GCF tỉnh Quảng Ngãi- Kế hoạch năm 2024	8.500	
3	Về việc hỗ trợ kinh phí lắp đặt biển báo khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người, cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	1.423	
<b>C</b>	<b>Kinh phí chưa phân bổ (A)-(B)</b>	<b>201.202</b>	



CÁC KHOẢN TẠM ƯNG, ƯNG TRƯỚC NGÂN SÁCH TỈNH ĐẾN NGÀY 30/6/2024  
(Kèm theo Báo cáo số 124/BC-UBND ngày 1/6/2024 của UBND tỉnh)

Phụ lục 04

DVT: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	Nội dung	Số dư đến ngày 31/12/2023 (số thực tế ứng)	Số tạm ứng trong năm 2024	Số thu hồi trong năm 2024	Số dư đến ngày 30/6/2024 (7)=(4)+(5)-(6)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)+(5)-(6)	(8)
	<b>Tổng cộng</b>						
1	BQL Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi	BQL Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi	96.445	0	25.515	70.930	
+	BQL Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi	Tạm ứng thực hiện Dự án Khu dân cư Mẫu Trạch	20.000			20.000	
+	BQL Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi	Tạm ứng thực hiện công tác bồi thường tạo Quỹ đất sạch Khu kinh tế Dung Quất.	25.400			25.400	
2	<b>UBND các huyện, thị xã, thành phố</b>	<b>UBND các huyện, thị xã, thành phố</b>	<b>25.515</b>	<b>0</b>	<b>25.515</b>	<b>0</b>	
+	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Ứng trước kinh phí thực hiện hỗ trợ hộ nghèo đã xây dựng nhà hoàn thành theo QĐ 167/2008/QĐ-TTg nhưng chưa được hỗ trợ	25.515		25.515	0	
3	<b>UBND huyện Lý Sơn</b>		<b>24.550</b>			<b>24.550</b>	
+	UBND huyện Lý Sơn	Hàng mục cải tạo kè chắn, vỉa hè, cây xanh, điện chiếu sáng, hệ thống camera thuộc dự án nâng cấp đường Cơ động Lý Sơn	24.550			24.550	
4	<b>Sở Công Thương</b>		<b>980</b>			<b>980</b>	
+	Sở Công Thương	Tạm ứng để thực hiện bình ổn giá	980			980	

